

Các nhân tố tác động đến trách nhiệm xã hội của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam ở Tiền Giang

TRẦN THỊ BÍCH TUYẾN^{*}
NGUYỄN THANH PHONG^{**}
ĐẶNG THỊ MỸ DUNG^{***}

Tóm tắt

Mục tiêu của bài viết nhằm đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đến trách nhiệm xã hội (TNXH) của các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam (NHTMCP) ở Tiền Giang. Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 04 nhân tố tác động đến TNXH theo thứ tự giảm dần: Trách nhiệm từ thiện; Trách nhiệm kinh tế; Trách nhiệm đạo đức; và Trách nhiệm pháp lý. Kết quả nghiên cứu hàm ý lãnh đạo các NHTMCP ở Tiền Giang thấy được mức độ quan trọng của các nhóm nhân tố tác động đến TNXH của các NHTMCP và từ đó hình thành các giải pháp cụ thể.

Từ khóa: các nhân tố tác động, trách nhiệm xã hội, ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam, Tiền Giang

Summary

The paper is to assess the influence of factors on social responsibility of Vietnamese joint stock commercial banks in Tien Giang. The output points out 04 factors affecting social responsibility, in descending order of impact, which are philanthropic responsibility, economic responsibility, ethical responsibility and legal responsibility. This finding helps the leaders of the aforementioned banks in Tien Giang to acknowledge the importance of those determinants and thereby produce solutions to improve their performance.

Keywords: determinants, social responsibility, Vietnamese joint stock commercial banks, Tien Giang

GIỚI THIỆU

Việc nhận thức và tuân thủ theo các quy định của doanh nghiệp về việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) còn thấp, không ít những doanh nghiệp đã có những ngộ nhận và có cách hiểu sai về việc thực hiện CSR khi cho rằng, đó là hoạt động “thực hiện được, thì tốt” còn bằng không, thì “cũng không gây hại gì”. Hoặc khi doanh nghiệp được hỏi về những khó khăn khi thực hiện CSR, doanh nghiệp thường cho rằng “chúng tôi không có ngân sách”, “chúng tôi không có thời gian để thực hiện việc đó”. Và “đư luận thì có chiều hướng đánh đồng hoạt động từ thiện với CSR”. Do vậy, rất nhiều sự kiện, vụ việc liên quan đến môi trường, đến quyền lợi của khách hàng không được bảo vệ đã gây ra nhiều hậu quả nặng nề, như: vụ việc Công

ty TNHH Vedan, hay vụ việc ô nhiễm môi trường biển tại Việt Nam của Công ty TNHH Hưng Nguyên Formosa vừa qua... Đặc biệt, trong thời gian gần đây, các sai phạm trong giao dịch ngân hàng do còn hạn chế trong quản lý rủi ro tín dụng hay những vi phạm của nhân viên ngân hàng đã dẫn đến hàng loạt các vụ án lớn nhỏ về kinh tế trong ngân hàng. Trong khi, ngành ngân hàng có vai trò đặc biệt trong việc duy trì tăng trưởng kinh tế và phát triển thông qua hoạt động cho vay và đầu tư, bởi hệ thống này là một mắt xích quan trọng trong việc quyết định nguồn vốn đầu tư cho các dự án phát triển kinh tế - xã hội.

^{*} ThS., ^{**} ThS., ^{***} ThS., Trường Đại học Tiền Giang

Ngày nhận bài: 19/01/2020; Ngày phân biên: 04/02/2020; Ngày duyệt đăng: 19/02/2020

Nguyên nhân của những ngộ nhận trên là do không ít những ngân hàng chưa cho rằng, CSR là một phần trong công việc kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu của khách hàng; Tuân thủ những quy định về xã hội và môi trường, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo ra thế mạnh giúp ngân hàng hoạt động hiệu quả hơn. Và, để thuyết phục các ngân hàng “mong muốn” áp dụng CSR hơn là “ép buộc” thực hiện CSR, cần có những nghiên cứu đo lường mức độ tác động của các nhân tố đến TNXH của ngân hàng.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Mô hình về CSR có tính toàn diện và được sử dụng rộng rãi nhất là mô hình “kim tự tháp” của Carroll Archie (1999). Theo đó, CSR bao gồm trách nhiệm kinh tế; trách nhiệm tuân thủ pháp luật; trách nhiệm đạo đức và trách nhiệm từ thiện. Như vậy, doanh nghiệp thực hiện TNXH góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và đóng góp cộng đồng.

Meng-Wen Wu and Chung-Hua Shen (2013) đã chỉ ra mối liên hệ giữa hoạt động CSR và hoạt động tài chính của các ngân hàng, đồng thời khẳng định mối liên hệ tích cực của CSR và hoạt động tài chính, xác định động cơ để các ngân hàng thực hiện CSR là một lựa chọn chiến lược.

Mai Thi Nhã Quý (2016) chỉ ra rằng, các yếu tố ảnh hưởng đến ngân hàng có liên quan đến việc theo đuổi mục tiêu xã hội.

Kế thừa những nghiên cứu trước đây, tác giả đề xuất mô hình nghiên cứu như Hình.

Từ mô hình nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất các giả thuyết nghiên cứu sau:

H1: Việc thực hiện trách nhiệm kinh tế của ngân hàng có ảnh hưởng tích cực đến TNXH của ngân hàng.

H2: Việc thực hiện trách nhiệm tuân thủ pháp luật của ngân hàng có ảnh hưởng tích cực đến TNXH của ngân hàng.

H3: Việc thực hiện trách nhiệm đạo đức của ngân hàng có ảnh hưởng tích cực đến TNXH của ngân hàng.

H4: Việc thực hiện trách nhiệm từ thiện của ngân hàng có ảnh hưởng tích cực đến TNXH của ngân hàng.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 12/2018 đến tháng 05/2019 thông qua

HÌNH: MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU



Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả

BẢNG 1: HỆ SỐ KMO VÀ KIỂM ĐỊNH BARTLETT

Hệ số KMO		0.778
Kiểm định Bartlett	Chi bình phương xấp xỉ	4111.881
	Df	351
	Sig.	.000

BẢNG 2: CÁC NHÓM NHÂN TỐ SAU PHÂN TÍCH

	Nhóm nhân tố			
	1	2	3	4
KT3	.923			
KT6	.897			
KT5	.889			
KT2	.883			
KT7	.882			
KT4	.852			
PL5		.891		
PL4		.878		
PL2		.848		
PL3		.751		
PL1		.742		
TT1			.847	
TT2			.825	
TT4			.788	
TT3			.773	
TT5			.658	
ĐĐ2				.832
ĐĐ3				.787
ĐĐ1				.777
ĐĐ4				.739
ĐĐ5				.713

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra với SPSS

khảo sát gửi đến nhân viên và khách hàng tại các phòng giao dịch của các NHTMCP ở Tiền Giang bằng bảng câu hỏi đối với 400 người. Kết thúc điều tra, số phiếu thu về là 400 phiếu, trong đó có 04 phiếu không hợp lệ, số phiếu đạt yêu cầu là 396 phiếu (*Bài viết sử dụng cách viết số thập phân theo chuẩn quốc tế*).

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Phân tích nhân tố

Kết quả phân tích nhân tố thu được với hệ số KMO là 0.778 > 0.5 và có hệ số Sig. = 0.00 chứng tỏ giả thuyết H_0 “Các biến không có tương quan với nhau” bị bác bỏ. Vì thế, có thể kết luận: việc tiến hành phân tích nhân tố khám phá - EFA (Exploratory Factor Analysis)

BẢNG 3: DỮ LIỆU CỦA MÔ HÌNH HỒI QUY

Nhân tố	B	Sig	Tolerance	VIF
Hằng số	.221			
TBTT	.312	.000	.971	1.030
TBKT	.231	.000	.998	1.002
TBĐĐ	.230	.000	.903	1.108
TBPL	.161	.000	.913	1.096
F		157.722	.000 ^a	
R	.876 ^a			
R ²	.768			
Hệ số Durbin-Watson	1.705			

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu điều tra với SPSS

là phương pháp phù hợp. Bên cạnh đó, kết quả thu được từ phân tích nhân tố cho thấy, có 04 nhóm nhân tố được trích ra theo tiêu chuẩn giá trị Eigenvalues > 1 và tổng phương sai giải thích được (Total Variance Explained) là 68.709% sự biến thiên của dữ liệu.

Kết quả phân tích nhân tố được trình bày trong các Bảng 1 và Bảng 2.

Nhóm nhân tố Trách nhiệm kinh tế (KT)

Nhóm nhân tố KT có giá trị Eigenvalues lớn nhất, bằng 6.124. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đạt giá trị từ 0.852 trở lên (> 0.5). Do đó, các biến quan sát của nhóm nhân tố này đồng nhất và đều đạt chuẩn của thang đo lường.

Nhóm nhân tố Trách nhiệm pháp lý (PL)

Nhóm nhân tố PL có giá trị Eigenvalues lớn thứ nhì, bằng 4.839. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đạt giá trị từ 0.742 trở lên (> 0.5). Do đó, các biến quan sát của nhóm nhân tố này đồng nhất và đều đạt chuẩn của thang đo lường.

Nhóm nhân tố Trách nhiệm từ thiện (TT)

Nhóm nhân tố TT có giá trị Eigenvalues lớn thứ ba, bằng 2.848. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đạt giá trị từ 0.658 trở lên (> 0.5). Do đó, các biến quan sát của nhóm nhân tố này đồng nhất và đều đạt chuẩn của thang đo lường.

Nhóm nhân tố Trách nhiệm đạo đức (ĐĐ)

Nhóm nhân tố ĐĐ có giá trị Eigenvalues lớn thứ tư, bằng 1.598. Kết quả phân tích nhân tố cho thấy, hệ số tương quan biến tổng của các biến quan sát đạt giá trị từ 0.713 trở lên (> 0.5). Do đó, các biến quan sát của nhóm nhân tố này đồng nhất và đều đạt chuẩn của thang đo lường.

Phân tích hồi quy

Trong phần này, nhóm tác giả tiếp tục tiến hành phân tích mô hình hồi quy để xác định cụ thể trọng số quan trọng của từng nhóm nhân tố tác động đến CSR của các NHTMCP ở Tiền Giang. Để thực hiện điều này, nhóm tác giả đề xuất mô hình hồi quy tuyến tính bội như sau:

- Nhóm nhân tố độc lập gồm: Trách nhiệm kinh tế (TBKT); Trách nhiệm pháp lý (TBPL); Trách nhiệm đạo đức (TBĐĐ); Trách nhiệm từ thiện (TBTT).

- Biến phụ thuộc: Trách nhiệm xã hội của các NHTPCP ở Tiền Giang (TBTNXXH).

Mô hình hồi quy có dạng:

$$TBTNXXH = \mu + \beta_1 TBKT + \beta_2 TBPL + \beta_3 TBĐĐ + \beta_4 TBTT$$

Trong đó:

- $\beta_0, \beta_1, \beta_2, \beta_3, \beta_4$ là các hệ số tương ứng

- μ : hằng số

Kết quả phân tích hồi quy các nhóm nhân tố tác động đến CSR của các NHTMCPVN ở Tiền Giang như Bảng 3.

Kết quả phân tích mô hình hồi quy thu được, như sau:

- Kết quả kiểm nghiệm các biến độc lập: Trách nhiệm kinh tế (TBKT); Trách nhiệm pháp lý (TBPL); Trách nhiệm đạo đức (TBĐĐ); và Trách nhiệm từ thiện (TBTT) đều có hệ số Sig. < 0.05. Điều này cho thấy, các biến đưa vào đều có ý nghĩa về mặt thống kê và mối quan hệ tác động lên biến phụ thuộc - Trách nhiệm xã hội của các NHTMCP ở Tiền Giang (TBTNXXH). Như vậy mối quan hệ tích cực giữa từng biến độc lập với biến phụ thuộc có ý nghĩa chấp nhận.

- Đánh giá độ phù hợp của mô hình: Hệ số R là 0.876, hệ số R² trong mô hình này là 0.768. Điều này nói lên độ thích hợp của mô hình hồi quy là 76.8%, hay nói cách khác là 76.8% sự biến thiên của Trách nhiệm xã hội của các NHTMCP ở Tiền Giang (TBTNXXH) được giải thích bởi 04 nhóm nhân tố: Trách nhiệm kinh tế (TBKT); Trách nhiệm pháp lý (TBPL); Trách nhiệm đạo đức (TBĐĐ); và Trách nhiệm từ thiện (TBTT).

- Trong kiểm định độ phù hợp của mô hình, ngoài hệ số R² được sử dụng để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính đa biến, nhóm nghiên cứu còn sử dụng phép kiểm định F trong bảng phân tích phương sai, đây là một phép kiểm định giả thuyết về độ phù hợp của mô hình hồi quy tuyến tính tổng thể. Từ kiểm định phân tích sâu ANOVA cho thấy, thông số F có Sig. = .000 chứng tỏ rằng mô hình hồi quy xây dựng được là phù hợp với bộ dữ liệu thu thập được.

Kết quả phân tích hồi quy theo phương pháp Stepwise cũng cho thấy, hệ số phóng đại phương sai (VIF) của từng nhân tố độc lập có giá trị từ 1.002 đến 1.108 tất cả đều < 10. Như vậy, mô hình hồi quy đảm bảo không có hiện tượng đa cộng tuyến giữa các biến độc lập.

Mặt khác, hệ số Durbin - Watson là 1.705 nằm trong đoạn chấp nhận từ 1

đến 3, nên có thể chấp nhận hiện tượng tự tương quan giữa các biến độc lập không xảy ra. Vì vậy, mô hình hồi quy trên có thể được chấp nhận.

Qua các kiểm chứng trên, nhóm tác giả thu được mô hình hồi quy như sau:

$$TBTN\text{XH} = 0.221 + 0.231.TBKT + 0.161.TBPL + 0.230.TBDD + 0.312.TBTT$$

Ý nghĩa mô hình hồi quy thu được:
Trách nhiệm xã hội của các NHTPCPVN ở Tiền Giang = 0.221 + 0.231. *Trách nhiệm kinh tế* + 0.161. *Trách nhiệm pháp lý* + 0.230. *Trách nhiệm đạo đức* + 0.312. *Trách nhiệm từ thiện*

KẾT LUẬN VÀ MỘT SỐ ĐỀ XUẤT

Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, có 04 nhân tố tác động đến CSR của các NHTMCP ở Tiền Giang theo thứ tự giảm dần: Trách nhiệm từ thiện; Trách nhiệm kinh tế; Trách nhiệm đạo đức; và Trách nhiệm pháp lý.

Một số đề xuất

Dựa trên kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số nhóm giải pháp cụ thể như sau:

Đối với nhân tố Trách nhiệm từ thiện

Các NHTMCP cần có chiến lược xây dựng hình ảnh ngân hàng gắn liền với hình ảnh thực hiện các công tác từ thiện vì ý nghĩa thực hiện CSR của doanh nghiệp, không phải vì mục đích truyền thông. Do vậy, các ngân hàng cần triển khai cụ thể, hướng dẫn các ngân hàng tại Tiền Giang thực hiện và truyền thông các kế hoạch từ thiện vì nghĩa vụ cũng như vì giá trị thương hiệu, uy tín của ngân hàng. Các hoạt động từ thiện trong chiến lược thực hiện CSR phải liên tục và cam kết lâu dài cho lợi ích của doanh nghiệp và cho lợi ích của xã hội.

Đối với nhân tố Trách nhiệm kinh tế

Các ngân hàng cần có chiến lược kinh doanh gắn liền với chiến lược thực

hiện CSR. Các sản phẩm của ngân hàng cần gắn kết với các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến các vấn đề môi trường, chất lượng phục vụ của sản phẩm. Bên cạnh việc xây dựng các chính sách sản phẩm bảo vệ quyền lợi của khách hàng, Ngân hàng cần xây dựng bộ quy tắc ứng xử trong các ngân hàng và có kế hoạch tập huấn, triển khai thực hiện đồng bộ tại trụ sở ngân hàng và các ngân hàng tại Tiền Giang. Đặc biệt, các ngân hàng cần có chiến lược xây dựng nguồn nội lực trong ngân hàng đủ chuyên nghiệp, luôn được tập huấn và cập nhật các kỹ năng liên quan nhằm gia tăng lợi ích sản phẩm kết hợp với các kế hoạch kiểm tra chặt chẽ nhằm giúp ngân hàng xây dựng uy tín về đội ngũ nhân sự.

Đối với nhân tố Trách nhiệm đạo đức

Các ngân hàng cần tuân thủ các tiêu chuẩn CSR những năm qua đã áp dụng tại Việt Nam, đồng thời cần triển khai các hoạt động của chiến lược kinh doanh sao cho thực hiện đúng những quy định, những chuẩn mực về bảo vệ môi trường, an toàn lao động, quyền lợi chính đáng của người lao động. Ngân hàng cần xây dựng các hoạt động trên chi tiết và có kế hoạch triển khai đồng bộ đến các ngân hàng tại Tiền Giang. Ngoài ra, các ngân hàng cần xây dựng các chính sách bảo vệ người lao động khi tố giác những sai trái trong nghiệp vụ ngân hàng nhằm giúp cho các chính sách mang tính khả thi cao.

Đối với nhân tố Trách nhiệm pháp lý

Ngoài việc đảm bảo tuân thủ theo những quy định của pháp luật trong kinh doanh, các nguyên tắc công khai minh bạch, rõ ràng, các ngân hàng cần cập nhật và sớm có kế hoạch thực hiện theo những nhu cầu, thay đổi mới của nền kinh tế hội nhập và nền kinh tế thời Công nghiệp 4.0 với những quy định pháp lý mới.

Kiến nghị đối với Nhà nước

Để các ngân hàng thực hiện CSR góp phần phát triển kinh tế, xây dựng thương hiệu quốc gia, Nhà nước cần tập trung hoàn thiện luật và tính hiệu lực trong thực thi luật. Với các trách nhiệm ngoài luật (đạo đức, từ thiện), Nhà nước cần khuyến khích cơ chế tự nguyện, vì đó là sự tương tác giữa doanh nghiệp và xã hội. Nhà nước chỉ nên gián tiếp tác động thông qua các cơ chế, như: hiệp hội, mạng lưới cộng đồng, giáo dục, nâng cao ý thức người dân. Đồng thời, cần có các chính sách khen thưởng đối với các doanh nghiệp thực hiện tốt CSR. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*. Nxb Hồng Đức
2. Mai Thị Nhã Quý (2016). *Đánh giá thực trạng hoạt động trách nhiệm xã hội của ngân hàng SHB Đà Nẵng*, Luận văn Cao học, Trường Đại học Đà Nẵng
3. Carroll Archie (1999). Corporate social responsibility: evolution of a definitional construct, *Business & Society*, 3(3), 268-295
4. Meng-Wen Wu and Chung-Hua Shen (2013). Corporate social responsibility in the banking industry: Motives and financial performance, *Journal of Banking and Finance*, 37(9), 3529-3547